

Số: /BC-BTP

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2019

**Dự thảo****BÁO CÁO****Về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật  
theo các lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Công văn số 9788/VPCP-PL ngày 28/10/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc giao “*Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội..., xây dựng kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo các lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, xác định thời gian, tiến độ cụ thể; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11 năm 2019*”, trên cơ sở yêu cầu tại Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng thư ký Quốc hội về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan,<sup>1</sup> Bộ Tư pháp xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

**I. VỀ VIỆC THỰC HIỆN RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐỂ LÀM RÕ MÂU THUẤN, CHỒNG CHÉO, ĐỒNG THỜI CÓ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC, XỬ LÝ**

1. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, từ cuối năm 2016 đến cuối năm 2018, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp, đánh giá các rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh đang gây vướng mắc, bất cập trong thực tiễn.

1.1. Ngày 10/02/2017, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số **44/BC-BTP** gửi Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh. Sau đó, Bộ Tư pháp đã cập nhật, hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo số **125/BC-BTP** ngày 28/4/2017 đề xuất cụ thể việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh và xác định tiến độ thực hiện. Báo cáo này đã nêu cụ thể: (i) Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc hủy bỏ và tiến độ thực hiện tại Phụ lục 1; (ii) các vướng mắc, bất cập và kiến nghị nội dung chi tiết sửa đổi liên quan: **16** luật,

<sup>1</sup> Gồm: ...

ng nghị quyết của Quốc hội (Phụ lục 2, gồm 153 trang); 18 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 3, gồm 47 trang); và 26 Thông tư (Phụ lục 4, gồm 15 trang); và (iii) các giải pháp xử lý. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng phối hợp với các bộ, ngành rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo số **1292/BTP-PLDSKT** ngày 18/4/2017 về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư trong đó đề xuất ban hành 33 Nghị định liên quan.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở các Báo cáo nêu trên, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành thống nhất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Báo cáo số **180/BC-BTP** ngày 26/6/2017 về Danh mục các luật cần sửa đổi, bổ sung liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh và quy hoạch<sup>2</sup> và Tờ trình số **23/TTr-BTP** ngày 02/6/2017 về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục văn bản để ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh (bao gồm Danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư).

Tại Mục 7.a Nghị quyết số **61/NQ-CP** ngày 11/07/2017 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2017, Chính phủ đã yêu cầu các bộ, cơ quan căn cứ danh mục do Bộ Tư pháp đề xuất, tiếp tục rà soát, xác định rõ các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, lập đề nghị xây dựng từng dự án luật, xác định tiến độ, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số **1078/QĐ-TTg** ngày 25/7/2017 ban hành Danh mục văn bản để ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Ngoài ra, để phục vụ Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương được tổ chức ngày 28/12/2017, Bộ Tư pháp đã có **Báo cáo số 378/BC-BTP** ngày 26/12/2017 tổng hợp về công tác rà soát, tháo gỡ các vướng mắc, bất cập của các quy định hiện hành về môi trường đầu tư, kinh doanh, các chính sách an sinh xã hội của các bộ, cơ quan, địa phương.

**1.2.** Trong năm 2018, Bộ Tư pháp đã tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành, địa phương tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Ngày 26/10/2018, Bộ Tư pháp có **Báo cáo số 251/BC-BTP** trình Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát các bất cập, chồng chéo, vướng mắc giữa các quy định của

<sup>2</sup> Cụ thể, (i) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 4 Luật (Luật Đầu thầu, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Đầu tư công); (ii) Bộ Khoa học và Công nghệ: 2 Luật (Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa); (iii) Bộ Công Thương: 01 Luật (Luật Cạnh tranh); (iv) Bộ Tài nguyên và Môi trường: 2 Luật (Luật Đất đai và Luật Bảo vệ môi trường); (v) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 2 Luật (Luật Thủy sản và Luật Bảo vệ và phát triển rừng); (vi) Bộ Xây dựng: 4 Luật (Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Nhà ở và Luật Quản lý phát triển đô thị); (vii) Bộ Tài chính: 1 Luật (Luật Quản lý thuế).

pháp luật liên quan đến việc tiếp cận đất đai của người dân và doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh. Trong Báo cáo này, Phụ lục II (gồm 158 trang) đã nêu rõ các vướng mắc, bất cập và nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; Phụ lục III về Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đã đề xuất sửa đổi, bổ sung 9 Luật<sup>3</sup>, 18 Nghị định và 18 Thông tư có liên quan.

Ngày 13/11/2018, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 11004/VPCP-NN gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng, theo đó, “*Các Bộ theo chức năng, nhiệm vụ của mình nghiên cứu những nội dung Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo nêu trên để cập nhật, đề xuất trong quá trình thực hiện việc sửa đổi, bổ sung các Luật: Đất đai, Xây dựng, Nhà ở, Đầu tư, báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội; đồng thời nghiên cứu kiến nghị của Bộ Tư pháp để trình, quyết định sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm giải quyết các bất cập, chồng chéo, vướng mắc giữa các quy định của pháp luật liên quan đến việc tiếp cận đất đai của người dân và doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh*”.

2. Trong tổng số 19 Luật được Bộ Tư pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Báo cáo số 125/BC-BTP, Báo cáo số 180/BC-BTP và Báo cáo số 251/BC-BTP có:

### **2.1. Năm (05) Luật đã được thay thế, gồm:**

(i) Luật Thủy sản năm 2003 được thay thế bằng Luật Thủy sản năm 2017 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019);

(ii) Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 được thay thế bằng Luật Lâm nghiệp năm 2017 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019);

(iii) Luật Cạnh tranh năm 2004 được thay thế bằng Luật Cạnh tranh năm 2018 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019);

(iv) Luật Đầu tư công năm 2014 được thay thế bằng Luật Đầu tư công năm 2019 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020);

(v) Luật Quản lý thuế năm 2014 được thay thế bằng Luật Quản lý thuế năm 2019 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020).

**2.2. Sáu (06) Luật đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế** (đã được đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2019 và Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2020 theo Nghị quyết số 78/2019/QH14 ngày 11/6/2019 của Quốc hội và Nghị quyết số

<sup>3</sup> Cụ thể, (i) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 3 Luật (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư); (ii) Bộ Xây dựng: 3 Luật (Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản); (iii) Bộ Tài chính: 1 Luật (Luật Thuế tài sản); (iv) Bộ Tài nguyên và Môi trường: 2 Luật (Luật Đất đai và Luật Bảo vệ môi trường).

790/2019/UBTVQH14 ngày 17/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019), gồm:

(i) Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) (cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9 - giữa năm 2020);

(ii) Luật Đầu tư (sửa đổi) (cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9 - giữa năm 2020);

(iii) Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9 - giữa năm 2020);

(iv) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014 (cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9 - giữa năm 2020).

(v) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2013 (cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 10 – cuối năm 2020);

(vi) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2013 (cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 10 - cuối năm 2020);

**2.3. Bảy (07) Luật** chưa được đưa vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, gồm:

(i) Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006

(ii) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;

(iii) Luật Đấu thầu năm 2013;

(iv) Luật Quy hoạch đô thị năm 2009

(v) Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014;

(vi) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở năm 2014.

(vii) Luật Thuế tài sản.

**2.4. Một (01) Luật** đã được đưa ra khỏi Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội: Luật Quản lý phát triển đô thị đã có trong Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 kèm theo Nghị quyết số 34/2017/QH14 ngày 08/6/2017 của Quốc hội (cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 5, thông qua tại Kỳ họp thứ 6). Tuy nhiên, theo Thông báo số 1691/TB-TTKQH ngày 20/4/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội, dự án Luật Quản lý phát triển đô thị cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, khi đủ điều kiện sẽ trình Quốc hội xem xét tại thời điểm thích hợp.

## **II. VỀ VIỆC TIẾP TỤC RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ BÁO CÁO CHUNG VỀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

1. Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng thư ký Quốc hội kèm theo văn bản nội dung ý kiến của ông Vũ Tiến Lộc (Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)) về sự chồng chéo trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đấu thầu (sau đây gọi tắt là Ý kiến). Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy về cơ bản vấn đề trong Ý kiến đã được phản ánh chi tiết trong các báo cáo rà soát của Bộ Tư pháp nêu tại Mục I Báo cáo này. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều chồng chéo, vướng mắc, bất cập đã được xử lý, hoặc dự kiến xử lý, ví dụ:

- Chồng chéo về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Luật Đầu tư và Luật Nhà ở đang dự kiến sửa đổi trong dự án Luật Đầu tư (sửa đổi) (khoản 3 Điều 76, điểm b khoản 1 Điều 77, điểm c khoản 2 Điều 77);

- Vướng mắc giữa thủ tục đánh giá tác động môi trường theo Luật Đầu tư và Luật Bảo vệ môi trường đang dự kiến sửa đổi trong dự án Luật Đầu tư (sửa đổi), theo đó, dự kiến sửa đổi điểm a, d khoản 2 Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường theo hướng chỉ yêu cầu đánh giá sơ bộ tác động môi trường để quyết định chủ trương đầu tư. Hiện nay, Luật Đầu tư công năm 2019 đã sửa đổi quy định này, chỉ yêu cầu đánh giá sơ bộ tác động môi trường đối với dự án đầu tư công.

- Dự án Luật Đầu tư (sửa đổi) cũng dự kiến bổ sung quy định để làm rõ nguyên tắc, điều kiện áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất tại Điều 28, gồm: (i) đấu giá quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai; (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm; (iii) chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư. Quy định này sẽ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến lựa chọn chủ đầu tư thông qua đấu giá đất, đấu thầu dự án có gắn liền quyền sử dụng đất...

2. Ngoài ra, qua nghiên cứu Ý kiến của ông Vũ Tiến Lộc, đối chiếu quy định của pháp luật hiện hành, Bộ Tư pháp nhận thấy một số khó khăn, vướng mắc theo phản ánh là do cách hiểu, cách vận dụng chưa đúng về quy định pháp luật, ví dụ:

- Mục 8 Ý kiến có phản ánh quy định không tương thích về điều kiện vốn tối thiểu của chủ đầu tư trong đấu giá quyền sử dụng đất theo Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Đất đai là chưa chính xác. Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 yêu cầu “*Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và có vốn pháp định không được thấp hơn 20 tỷ đồng...*” là quy định điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản (điều kiện gia nhập thị trường). Trong khi đó, Điều 14 Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 yêu cầu điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư như sau: “*Có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên*”. Đây là quy định áp dụng để xem xét năng lực tài chính của doanh nghiệp khi tham gia thực hiện một dự án bất động sản cụ thể (*điều kiện kinh doanh đối với một dự án cụ thể*). Theo các quy định này, một doanh nghiệp bất động sản được thành lập, hoạt động kinh doanh bất động sản đáp ứng đủ điều kiện vốn pháp định (trên 20 tỷ) nhưng khi tham gia một dự án kinh doanh bất động sản cụ thể thì tùy theo tổng mức đầu tư của dự án mà doanh nghiệp đó có thể đáp ứng hoặc không điều kiện về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đó. Đây là hai quy định hoàn toàn khác nhau về mục đích, phạm vi áp dụng. Do đó, phản ánh tại Ý kiến là do chưa hiểu đúng ý nghĩa, mục đích quy định của pháp luật;

- Mục 12 Ý kiến phản ánh việc không tương thích giữa Luật Đầu tư và Luật Đất đai về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất và các quyền, nghĩa vụ có liên quan của nhà đầu tư, theo đó, “các doanh nghiệp được miễn giảm tiền thuê đất có quyền và nghĩa vụ như trường hợp Nhà nước cho thuê đất hàng năm, do vậy, không thể thế chấp quyền sử dụng đất tại ngân hàng để vay vốn, hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn”. Cách hiểu này là không chính xác vì chỉ doanh nghiệp được miễn tiền thuê đất và doanh nghiệp sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm mới không được phép thế chấp bằng quyền sử dụng đất, nhưng doanh nghiệp đó vẫn có quyền thế chấp tài sản gắn liền với đất tại tổ chức tín dụng để vay vốn (Điều 173 và Điều 175 Luật Đất đai năm 2013).

Bên cạnh đó, một số phản ánh trong Ý kiến là chưa hoàn toàn chính xác do không hiểu đúng hoặc vận dụng đúng mối quan hệ giữa luật chuyên ngành và luật chung theo tinh thần của Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó, Bộ luật dân sự là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự; Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm các các nguyên tắc cơ bản này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng (Điều 4). Nếu hiểu đúng hoặc vận dụng đúng mối quan hệ giữa luật chuyên ngành và luật chung như trên thì một số vướng mắc nêu trong Ý kiến sẽ được giải quyết.

3. Theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến

ngiht với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do mình ban hành hoặc chủ trì soạn thảo; văn bản do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ*”.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Mục 2 Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng thư ký Quốc hội, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ (xin đính kèm); theo đó, các bộ, cơ quan ngang bộ sẽ kế thừa, sử dụng kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014- 2018 đã công bố để cập nhật, rà soát bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch này, đồng thời, rà soát chuyên sâu văn bản quy phạm pháp luật đối với một số chuyên đề, lĩnh vực do các bộ, cơ quan ngang bộ đề xuất.

### **III. KIẾN NGHỊ**

Bộ Tư pháp kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Xem xét, ký Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ để các bộ, cơ quan ngang bộ triển khai thực hiện ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Mục 2 Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 của Tổng thư ký Quốc hội.

2. Chỉ đạo các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:

(i) Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Mục 7.a Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11/07/2017 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2017, Công văn số 11004/VPCP-NN ngày 13/11/2018 của Văn phòng Chính phủ;

(ii) Tiếp tục nghiên cứu những kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, chuyên gia để hoàn thiện hơn các dự án Luật đã được đưa vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội năm 2019, 2020. Đối với các Luật chưa có trong chương trình xây dựng Luật của Quốc hội, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ (theo chức năng quản lý nhà nước của mình) rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Luật liên quan cho phù hợp; phối hợp với Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ

đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội năm 2020, 2021 theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Trên đây là báo cáo của Bộ Tư pháp về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo các lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

**Đính kèm:** dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTTgTT CP Trương Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ (để p/h);
- BT Lê Thành Long (để b/c);
- Lưu: VT, V.PLDSKT (KTN, Thoa).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phan Chí Hiếu**

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điều 170 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điều 161 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19 tháng 10 năm 2019 của Tổng thư ký Quốc hội về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**



**KẾ HOẠCH****Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg  
ngày tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Ngày 19/10/2019, Tổng thư ký Quốc hội có Công văn số 3126/TTKQH-TH về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu “*căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề thực tế đã đặt ra, đồng thời để nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc rà soát các quy định pháp luật, kịp thời phát hiện và khắc phục những vướng mắc trong hệ thống pháp luật, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề hoặc lĩnh vực và có báo cáo chung về kết quả rà soát để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2020*”. Để việc triển khai nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là rà soát văn bản) theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm tiến độ, chất lượng, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi là Kế hoạch) với các nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

a) Xác định cụ thể nội dung các công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, tăng cường tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật;

b) Xác định cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan trong việc tổ chức thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

**2. Yêu cầu**

a) Nội dung công việc phải bám sát yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn số 3126/TTKQH-TH, phù hợp với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà

nước về công tác rà soát văn bản và cơ quan có trách nhiệm thực hiện rà soát văn bản;

b) Kế thừa, sử dụng hiệu quả kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014- 2018 đã công bố để cập nhật, rà soát bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch.

c) Phối hợp tổ chức thực hiện rà soát văn bản phải bảo đảm thường xuyên, hiệu quả giữa Bộ Tư pháp với các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) Xác định cụ thể thời gian, tiến độ hoàn thành công việc;

đ) Thủ trưởng các cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc theo đúng Kế hoạch.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT VĂN BẢN**

### **1. Đối tượng rà soát văn bản**

Đối tượng rà soát văn bản là văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (bao gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần) và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trừ Hiến pháp) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ.

### **2. Phạm vi rà soát văn bản**

Phạm vi rà soát văn bản là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 còn hiệu lực (bao gồm cả các văn bản được ban hành nhưng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa có hiệu lực, trừ Hiến pháp) thuộc trách nhiệm rà soát văn bản của các Bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Điều 170) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (khoản 1 Điều 139).

## **III. NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

### **1. Xây dựng tài liệu hướng dẫn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện rà soát văn bản**

a) Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian hoàn thành: Tháng 01 năm 2020.

### **2. Xây dựng Kế hoạch rà soát văn bản tại các Bộ, cơ quan ngang bộ**

a) Cơ quan thực hiện: Các bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian hoàn thành: Tháng 01 năm 2020.

### **3. Tổ chức thực hiện rà soát văn bản**

#### **3.1. Đối với rà soát văn bản chung**

- a) Cơ quan thực hiện: Các bộ, cơ quan ngang bộ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- c) Thời gian hoàn thành: Tháng 6 năm 2020.

**Lưu ý:** Kế thừa, sử dụng hiệu quả kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014- 2018 đã công bố để cập nhật, rà soát bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch

#### **3.2. Đối với rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực**

- a) Cơ quan thực hiện: Các bộ, cơ quan ngang bộ được phân công thực hiện rà soát chuyên đề, lĩnh vực tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.
- b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- c) Thời gian hoàn thành: Tháng 6 năm 2020.

### **4. Báo cáo kết quả rà soát văn bản**

#### **a) Báo cáo kết quả rà soát văn bản chung của các cơ quan**

- Cơ quan thực hiện: Các bộ, cơ quan ngang bộ.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 7 năm 2020.

#### **b) Báo cáo kết quả rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực của các cơ quan**

- Cơ quan thực hiện: Các bộ, cơ quan ngang bộ được phân công thực hiện rà soát chuyên đề, lĩnh vực tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 7 năm 2020.

#### **c) Báo cáo tổng hợp chung kết quả rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ**

- Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan.
- Thời gian trình Thủ tướng Chính phủ: Tháng 8 năm 2020.

### **5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến hoàn thiện các dự thảo Báo cáo rà soát văn bản**

- Cơ quan thực hiện:

+ Báo cáo của các cơ quan (bao gồm Báo cáo rà soát văn bản chung và báo cáo rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực): Các Bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Báo cáo tổng hợp chung trình Chính phủ: Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế tại cơ quan mình ban hành Kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện rà soát văn bản bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả; kịp thời trao đổi, thông tin về Bộ Tư pháp những khó khăn, vướng mắc (nếu có) để được giải quyết, hướng dẫn hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán và sắp xếp, bố trí kinh phí bảo đảm việc triển khai rà soát văn bản. Việc lập dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức triển khai thực hiện rà soát văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Đối với các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch rà soát văn bản nhưng chưa được bố trí kinh phí cho công tác tổ chức triển khai thực hiện rà soát văn bản thì được ngân sách nhà nước cấp bổ sung theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện rà soát văn bản theo đúng tiến độ; kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức rà soát; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

**PHỤ LỤC**  
**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN RÀ SOÁT VĂN BẢN**  
**THEO CHUYÊN ĐỀ, LĨNH VỰC<sup>1</sup>**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..../QĐ-TTg ngày      tháng ..... năm 2019  
của Thủ tướng Chính phủ)

Số TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1	Rà soát văn bản thuộc lĩnh vực.....	Bộ.....		Tháng 6/2020
2	....			

<sup>1</sup> Bên cạnh việc thực hiện rà soát chung, các Bộ, cơ quan ngang Bộ xác định, đề xuất việc tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn số 3126/TTKQH-TH ngày 19/10/2019 và yêu cầu quản lý nhà nước.

